

Quan hệ giữa cải cách kinh tế và cải cách chính trị - Những kinh nghiệm của Nhật Bản và Trung Quốc

Lê Minh Quân^(*)

Tóm tắt: *Nhật Bản và Trung Quốc là hai trong số nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang tiến hành những cuộc cải cách, trong đó quan trọng và chủ yếu là cải cách kinh tế, cải cách chính trị và giải quyết mối quan hệ giữa chúng với những thành công nhất định. Việc tìm hiểu những kinh nghiệm - được khái quát từ thực tiễn cải cách kinh tế, cải cách chính trị và giải quyết mối quan hệ giữa chúng từ hai quốc gia này, chắc chắn, có giá trị tham khảo đối với quá trình đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị và giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.*

Từ khóa: Chính trị học, Cải cách chính trị, Cải cách kinh tế

1. Những nội dung chủ yếu và tính quá trình của các cải cách kinh tế, cải cách chính trị ở Nhật Bản

Ở Nhật Bản, trong cuộc cải cách thời Minh Trị (1868-1911), về chính trị, Nhật Bản từng bước bãi bỏ hệ thống chính trị phi tập trung hóa và quyền lực của các lãnh chúa địa phương; loại bỏ hệ thống đẳng cấp, tạo đồng thuận và thống nhất ý chí quốc gia, huy động mọi nguồn lực cho phát triển; ban hành hiến pháp và pháp luật, hình thành chế độ dân chủ và Chính phủ theo hướng phương Tây; cải cách chế độ bầu cử, tạo bình đẳng chính trị; duy trì hòa bình và ổn định xã hội. Về kinh tế, Nhật Bản cũng đã từng bước bãi bỏ những luật lệ phong kiến về hạn chế tự do kinh tế, huy động nguồn lực cho hiện đại hóa và

phát triển kinh tế; bãi bỏ “ngăn sông cấm chợ”; xóa bỏ kinh tế hiện vật, tiến đến kinh tế thị trường tư bản; cải cách tiền tệ; mở rộng quan hệ với phương Tây để tiếp thu tư tưởng và kỹ thuật mới, khuyến khích ngoại thương. Trong cuộc cải cách này, Nhật Bản đã đi từ cải cách chính trị đến cải cách kinh tế và sau đó kết hợp cải cách chính trị và cải cách kinh tế (và cải cách xã hội đồng thời), đoạn tuyệt với kinh tế và chính trị phong kiến phương Đông hướng tới kinh tế thị trường và dân chủ tư sản phương Tây.

Trong cuộc cải cách sau Chiến tranh thế giới thứ Hai (1945-1951), về kinh tế, Nhật Bản đã thực hiện “dân chủ hóa nền kinh tế” thông qua các chính sách “phi quân sự hóa nền kinh tế”, “khuyến khích các lực lượng dân chủ”, “thủ tiêu sự tập trung” trong sản xuất, kinh doanh, v.v... “Dân chủ hóa nền kinh tế”

^(*) PGS.TS., Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

với 3 cải cách lớn là thủ tiêu tình trạng tập trung quá mức sức mạnh kinh tế, cải cách ruộng đất và dân chủ hóa lao động, cải cách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, phát triển những nhà quản lý trẻ, v.v... Về chính trị, Nhật Bản tiến hành cải cách hiến pháp (Hiến pháp 1946), quy định Thiên Hoàng chỉ là tượng trưng, chủ quyền thuộc về nhân dân, hòa bình và bảo đảm các quyền cơ bản của con người; thực hiện dân chủ, tự do, bình đẳng; tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế; phát triển các tổ chức dân chủ, thành lập công đoàn; giảm lạm phát, cứu đói, khuyến khích sản xuất; thanh trừng người có tư tưởng quân phiệt, làm trong sạch và chuyển bộ máy chính trị phục vụ chiến tranh sang phục vụ kinh tế thời bình. Cuộc cải cách kinh tế và chính trị giai đoạn 1945-1951 đã phục hồi, chuyển nhanh sang kinh tế thị trường, tái lập xã hội dân chủ, đồng thuận xã hội; buộc Mỹ trao trả độc lập (1952), mở ra giai đoạn “thần kỳ” kinh tế suốt hai thập kỷ sau đó.

Trong cuộc cải cách ở Nhật Bản từ đầu những năm 1990 đến nay, về kinh tế, Nhật Bản luôn suy thoái, tăng trưởng 1%/năm; chu kỳ kinh tế biến dạng, nhiều công ty, tổ chức tài chính tín dụng phá sản, thất nghiệp kỷ lục, tràn ngập nợ nần, khủng hoảng chu kỳ, cơ cấu và thể chế. Về chính trị, “Hệ thống 1955” đổ vỡ, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) mất vị trí cầm quyền (1993), chính trường không ổn định, mất định hướng về tư tưởng, thiếu nhất trí quốc gia về con đường phát triển, quan chức tha hóa, lòng tin vào Chính phủ suy giảm. Nguyên nhân là do sự khủng hoảng của ý thức xã hội; những yêu cầu, nhiệm vụ mới không được giải quyết; lão hóa xã hội; toàn cầu hóa, quốc tế hóa và thị trường hóa toàn

cầu; sự cạnh tranh của các nước đi sau; mô hình phát triển, nhất là mô hình kinh tế (có từ những năm 1940) bất cập.

Từ nửa sau những năm 1980, Nhật Bản xác định cải cách với những nội dung chủ yếu sau: *Một là*, giảm dần sự can thiệp của Nhà nước, từng bước mở cửa nền kinh tế; thực hiện các chính sách như: Tăng giá đồng yên; Cải tổ hệ thống tài chính ngân hàng; Cải cách thuế; Cải cách hệ thống bảo hiểm và an sinh xã hội; Mở cửa thị trường nội địa, Cải cách hành chính. *Hai là*, tái cơ cấu kinh tế, chuyển giao công nghệ lạc hậu ra nước ngoài; phát triển những ngành, công nghệ mới ở trong nước. *Ba là*, cải cách giáo dục, đào tạo, nghiên cứu và phát triển. *Bốn là*, minh bạch hóa, linh hoạt và mở rộng các công ty. *Năm là*, thúc đẩy quốc tế hóa và hội nhập quốc tế. *Sáu là*, cải cách hành chính, năng động hóa các tổ chức chính trị, phân quyền mạnh hơn cho địa phương, nâng cao quyền lực của thủ tướng, đưa người trẻ có năng lực vào bộ máy công, v.v...

Những chính sách cải cách trên phát huy tác dụng từ cuối những năm 1980 đến cuối những năm 2000. Nền kinh tế Nhật Bản đã tự do, mở cửa và có tính thị trường hơn. Vai trò của Nhà nước trung ương thu hẹp hơn, các địa phương đã được phân quyền và trách nhiệm lớn hơn, các hệ thống tài chính - tiền tệ, như thuế, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, tỉ giá, v.v... thông thoáng, độc lập và linh hoạt hơn. Hệ thống quản trị công ty và quản lý lao động cởi mở và linh hoạt hơn. Các yếu tố ngoại lai, tuổi trẻ, năng lực và thành tích cá nhân xuất hiện trong hệ thống quản trị công ty đã được đánh giá, sử dụng và đãi ngộ. Giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học được đầu tư, năng động, sáng tạo và độc

lập hơn. Các yếu tố nước ngoài (công ty, con người, cung cách quản lý, v.v...) hiện diện nhiều hơn trong nền kinh tế; giải quyết tốt hơn vấn đề môi trường. Tuy nhiên, những cải cách kinh tế và chính trị ấy chưa đủ để kéo nền kinh tế Nhật Bản ra khỏi “thập kỷ mất mát”. Cải cách vẫn chậm chạp, nửa vời, chấp vá, thiếu hệ thống và không triệt để trong thể giằng co và mặc cả giữa các đảng phái, các cấp và các nhóm lợi ích; sự cản trở của các yếu tố văn hóa dân tộc, sự thiếu quyết tâm chính trị của nhà cầm quyền. Từ cuối những năm 2000, cải cách kinh tế ở Nhật Bản lại được đặt ra quyết liệt.

2. Những nội dung chủ yếu và tính quá trình của các cải cách kinh tế, cải cách chính trị ở Trung Quốc

Trong cuộc cải cách ở Trung Quốc từ cuối những năm 1970 trở lại đây, trừ một số bước đi có tính thử nghiệm trong giai đoạn đầu, đến nay cải cách kinh tế, cải cách chính trị và mối quan hệ giữa chúng ngày càng được nhận thức và tiến hành một cách bài bản. Theo đó:

Về yêu cầu của cải cách kinh tế, Trung Quốc xác định: Thứ nhất, thúc đẩy điều chỉnh kết cấu kinh tế, đẩy mạnh phát triển bền vững; Thứ hai, đi sâu cải cách xã hội, bảo hiểm, dân sinh; Thứ ba, đi sâu cải cách thể chế hành chính, tăng cường xây dựng chính trị trong sạch, đi sâu cải cách nông thôn, hoàn thiện thể chế, cơ chế.

Về yêu cầu của cải cách chính trị, Trung Quốc xác định: *Thứ nhất*, kiên trì, hoàn thiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa (với các chế độ đại hội đại biểu nhân dân, hiệp thương chính trị và hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tự trị vùng dân tộc và tự quản của quần chúng cơ sở); *Thứ hai*, tăng cường pháp chế, kiên trì chiến lược cơ

bản quản lý đất nước dựa vào pháp luật; *Thứ ba*, đi sâu cải cách thể chế, thúc đẩy xây dựng văn hóa XHCN.

Trong quan hệ giữa cải cách kinh tế và cải cách chính trị, Trung Quốc xác định rằng, CNXH có nguy cơ mang tính chế độ là dựa trên nền kinh tế pháp lệnh, nền chuyên chính một đảng, hình thái ý thức của chế độ ấy ngày càng được hợp pháp hóa và làm mất đi các chức năng vốn có của nó. Muốn tự thoát khỏi nguy cơ từ bên trong ấy, cần có hai điều kiện là nền kinh tế thị trường và chế độ dân chủ.

Quá trình cải cách chính trị và cải cách kinh tế có ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Một mặt, lãnh đạo nhà nước thông qua các quyết sách và hoạt động chính trị để gây ảnh hưởng đến sự phân bố về địa điểm và phân phối xã hội về lợi ích và vốn của cải. Mặt khác, kết quả của cải cách kinh tế lại tác động lại đến quá trình cải cách chính trị và sự tái phân phối nguồn lực kinh tế chính trị. Hơn nữa, sự phát triển của kinh tế thị trường trong cải cách kinh tế vừa là một quá trình kinh tế, vừa là một quá trình chính trị và xã hội. Cơ chế thị trường có động lực và đặc tính mở rộng, nó khiến sự phân phối về nguồn lực có hiệu quả tốt hơn, thúc đẩy sự cạnh tranh. Về ý nghĩa chính trị và xã hội, kinh tế thị trường khiến cho một bộ phận lớn các quan hệ xã hội được thương mại hóa, làm lung lay các kết cấu xã hội và quan hệ xã hội truyền thống, gây ảnh hưởng lớn đến sự phân bố về quyền lực và tài sản trong xã hội. Do năng lực và địa vị của mỗi người và mỗi nhóm người là khác nhau nên cách thức tận dụng các cơ hội thị trường cũng không giống nhau. Thực chất của các quan hệ kinh tế mà nền kinh tế thị trường phản ánh

cũng chính là các quan hệ chính trị.

Quá trình cải cách kinh tế chính là quá trình tranh giành giữa các nhóm xã hội nhằm phân chia lợi ích và vốn trong phát triển kinh tế thị trường. Để gây ảnh hưởng và khống chế quá trình này, người lãnh đạo cần phải hoàn thành hai nhiệm vụ. Một mặt, họ cần phải cố gắng loại bỏ những xung đột về cải cách giữa các thành viên xã hội để đông đảo quần chúng nhân dân tự nguyện hợp tác, từ đó cần phải cho phép đại diện của các nhóm lợi ích xã hội tham gia vào quá trình chính trị của cải cách. Mặt khác, họ cũng cần phải nắm vững quyền khống chế đối với cải cách, đảm bảo sự cân bằng về quyền lực ở một mức độ nào đó để phù hợp với việc thực hiện các chính sách và chức năng quan trọng.

Từ sau Hội nghị Trung ương 3 khóa XI Đảng Cộng sản Trung Quốc (1978), thời gian đầu cải cách vẫn trong khuôn khổ kinh tế kế hoạch hóa truyền thống, đến Đại hội XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc (1992) mới chính thức nêu mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN - thể chế cần được xây dựng trên nền tảng của chính trị pháp trị - dấu mốc quan trọng hàng đầu trong lý luận cải cách ở Trung Quốc. Nhiệm vụ thứ 4 trong 10 nhiệm vụ của cải cách là bám sát việc xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN để đẩy mạnh cải cách kinh tế. Khâu quan trọng hàng đầu là thúc đẩy sự chuyển đổi chức năng của Chính phủ, tách Chính phủ ra khỏi doanh nghiệp, không can thiệp vào quyền hạn của doanh nghiệp, trao quyền cho doanh nghiệp, v.v... theo quy định của pháp luật. Chức năng chủ yếu của Chính phủ là xây dựng chính sách, hướng dẫn thông tin, điều hòa tổ chức và kiểm tra giám sát; cải cách cơ chế quản lý kế hoạch, đầu tư, tài chính, tiền tệ, v.v... kiện toàn

cơ chế và phương pháp quản lý vĩ mô khoa học; quy hoạch hợp lý quyền hạn quản lý kinh tế, phát huy tính tích cực của Trung ương và địa phương. Nhiệm vụ thứ 6 trong 10 nhiệm vụ của cải cách là thúc đẩy cải cách thể chế kinh tế, tạo điều kiện cho việc xây dựng pháp chế và dân chủ XHCN. Trong các biện pháp cải cách kinh tế đều lồng ghép những yếu tố nhằm đảm bảo ổn định chính trị và, ngược lại, các biện pháp cải cách chính trị đều hướng tới ổn định chính trị, duy trì môi trường phát triển kinh tế lành mạnh.

Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc (1997) xác định xây dựng kinh tế XHCN đặc sắc Trung Quốc chính là phát triển kinh tế thị trường trong điều kiện XHCN, không ngừng giải phóng và phát triển sức sản xuất. Còn xây dựng chính trị XHCN đặc sắc Trung Quốc chính là phát triển chính trị dân chủ XHCN, quản lý đất nước bằng pháp luật, trên cơ sở người dân làm chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Thực hiện “kinh tế chống tã, chính trị chống hữu”. Việc xóa bỏ sự thống trị tập trung về kinh tế đòi hỏi phải xóa bỏ sự thống trị tập trung về chính trị. Chỉ khi quyền lợi và sức sản xuất của người dân được giải phóng thì mới có thể duy trì sự ổn định lâu dài của xã hội. Muốn có những đột phá về cải cách kinh tế thì phải có những đột phá về cải cách chính trị. Biến nhân trị thành pháp trị, thực hiện pháp chế hóa và bước đầu dân chủ hóa.

Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (2002) khẳng định, kinh tế phát triển, chính trị (thể chế, pháp trị, dân chủ - sự thống nhất hữu cơ giữa việc kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân làm chủ và nhà nước pháp trị) không phát triển thì chính trị sẽ cản trở

phát triển kinh tế. Với sự thay đổi lớn về lãnh đạo cấp cao, cục diện chính trị sôi động hình thành, tư tưởng “Ba đại diện” được chính thức đưa vào Điều lệ Đảng, cơ sở giai cấp, xã hội của Đảng mở rộng. Về xây dựng và cải cách thể chế kinh tế: Công nghiệp hóa kiểu mới, phát triển bền vững và chấn hưng đất nước; Làm giàu kinh tế nông thôn, đẩy nhanh đô thị hóa; Đại khai phá miền Tây, thúc đẩy phát triển hài hòa kinh tế khu vực; Kiên trì và hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản, cải cách thể chế quản lý tài sản quốc hữu; Kiên toàn cơ chế thị trường hiện đại, hoàn thiện điều tiết vĩ mô, cải cách thủ tục hành chính; Cải cách phân phối, kiên toàn bảo hiểm xã hội; Kiên trì kết hợp “hút vào” và “hướng ra”, nâng cao trình độ “mở cửa”; Tăng việc làm, cải thiện đời sống nhân dân. Về xây dựng và cải cách thể chế chính trị: Phát triển chính trị dân chủ, xây dựng văn minh chính trị; Thúc đẩy cải cách thể chế chính trị; Mở rộng dân chủ, kiên toàn pháp chế; Xây dựng nhà nước pháp trị; củng cố, phát triển cục diện chính trị đoàn kết dân chủ, sinh động sáng tạo, an toàn và hài hòa. Ngoài ra, còn có các cải cách về cơ chế quyết sách, tư pháp, chế độ nhân sự, v.v... Mục tiêu và điều kiện cho việc xây dựng và cải cách chính trị là duy trì ổn định xã hội. Giải pháp chủ yếu là cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng.

Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc (2007) khẳng định, kết hợp cải cách cơ sở kinh tế với cải cách kiến trúc thượng tầng là những kinh nghiệm quý báu, phản ánh sự hỗ trợ và tính đồng bộ giữa thể chế chính trị với thể chế kinh tế. Cải cách thể chế chính trị, bộ phận quan trọng của cải cách toàn diện ở Trung Quốc, cần được đi sâu tiến hành cùng với sự phát triển của kinh tế - xã

hội, nâng cao khả năng thích ứng với tính tích cực tham chính của nhân dân. Kiên trì con đường phát triển chính trị XHCN đặc sắc Trung Quốc, kết hợp sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân làm chủ và quản lý đất nước bằng pháp luật. Kiên trì và hoàn thiện các chế độ đại hội đại biểu nhân dân, hiệp thương chính trị và hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tự trị khu vực dân tộc và tự quản của quần chúng ở cơ sở. Cải cách thể chế chính trị đã không còn nghiêng về góc độ cần kết hợp với cải cách thể chế kinh tế, mà đã đứng từ các góc độ đảm bảo công bằng xã hội và quyền lợi của nhân dân. Từ thực tiễn phát triển, Đảng Cộng sản Trung Quốc nhận rõ sự chậm trễ của cải cách chính trị đã tạo nên các mâu thuẫn xã hội, thậm chí đe dọa tính hợp pháp trong việc cầm quyền của Đảng Cộng sản. Mục tiêu của cải cách thể chế chính trị là mở rộng dần sự tham gia chính trị của nhân dân. Thực hiện phương châm cơ bản là quản lý đất nước bằng pháp luật, tăng cường pháp chế, xây dựng chính phủ pháp chế, hoàn thiện chế độ dân chủ cơ sở, nâng cao năng lực phục vụ công cộng cơ bản của Chính phủ.

Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (2012) xác định mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội khá giả, theo đó hai trong số các yêu cầu là cần đẩy nhanh hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN và thúc đẩy chính trị dân chủ XHCN đi vào chế độ hóa, quy phạm hóa và trình tự hóa. Coi xây dựng kinh tế là trung tâm, phát triển văn là chìa khóa. Đẩy nhanh hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN và thúc đẩy chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế, trong đó cốt lõi là giải quyết quan hệ chính phủ - thị trường. Cùng với những biện pháp đẩy nhanh cải cách thể chế

kinh tế là những biện pháp chuyển đổi, cải tiến về chính trị, khẳng định tác dụng hỗ trợ của cải cách chính trị đối với cải cách kinh tế. Thúc đẩy cải cách thể chế chính trị với cải cách thể chế hành chính, kiện toàn cơ chế giám sát và kiểm soát vận hành quyền lực. Hội nghị Trung ương 3 (khóa XVIII) nhấn mạnh cải cách toàn diện, trong đó cải cách thể chế kinh tế là trọng điểm, cốt lõi là để thị trường phát huy vai trò quyết định trong việc phân bổ nguồn lực và phát huy hơn nữa vai trò của Nhà nước. Kinh tế công hữu và phi công hữu đều là những bộ phận cấu thành quan trọng của kinh tế thị trường XHCN, đều là nền tảng quan trọng phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc. Các kỳ đại hội đều chú ý hơn cải cách thể chế chính trị, trong đó nhấn mạnh xây dựng nhà nước pháp trị, chính phủ pháp trị và xã hội pháp trị.

Những mâu thuẫn (vấn đề đặt ra) trong cải cách ở Trung Quốc hiện nay là *mâu thuẫn giữa chính trị và kinh tế* (kinh tế đa nguyên - chính trị nhất nguyên); *mâu thuẫn giữa chính trị và xã hội* (từ xã hội hai giai cấp, một tầng lớp thành xã hội đa giai tầng); *mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài*; *mâu thuẫn Đảng và dân* (từ cá - nước thành dẫu - nước); *mâu thuẫn ngay trong thể chế chính trị vẫn tập trung quyền lực hiện hành*. Định hướng phát triển chính trị Trung Quốc đến năm 2020 là: Thúc đẩy cải cách thể chế chính trị; kiên trì sự thống nhất hữu cơ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, quản lý đất nước theo pháp luật; phát triển dân chủ nhân dân rộng rãi hơn, đầy đủ hơn, kiện toàn hơn; bảo đảm cho nhân dân dựa vào pháp luật thực hiện bầu cử dân chủ, quyết sách dân chủ, quản lý dân chủ, giám sát dân chủ; chú trọng hơn việc

phát huy vai trò quan trọng của pháp trị trong quản lý nhà nước và xã hội; bảo vệ sự thống nhất, tôn nghiêm, quyền uy của pháp trị quốc gia; bảo đảm công bằng, chính nghĩa xã hội; bảo đảm nhân dân dựa vào pháp luật hưởng tự do và quyền lợi rộng rãi hơn. Trong đó 2 trên 8 vấn đề là bảo đảm quyền của người dân và coi trọng pháp luật. Trong thời gian tới, cải cách thể chế chính trị được tiếp tục thúc đẩy, nhưng chưa có những giải pháp đột phá; các quyền của người dân được chú ý hơn, nhưng chưa hình thành một xã hội dân sự; vấn đề kiểm soát quyền lực đã được đặt ra nhưng còn giới hạn và chưa có đột phá. Tình trạng Đảng quyền cao hơn dân quyền vẫn chưa có sự thay đổi. Quyền lực của Đảng và hệ thống chính trị mà Đảng là hạt nhân lãnh đạo vẫn chưa có cơ chế ràng buộc.

3. Những kinh nghiệm giải quyết mối quan hệ giữa cải cách kinh tế và cải cách chính trị ở Nhật Bản và Trung Quốc có thể khái quát như sau:

Với Nhật Bản: *Thứ nhất*, cần xác định rõ định hướng, mục tiêu và nội dung cải cách; các cuộc cải cách của Nhật Bản về cơ bản đều xác định rõ các khía cạnh này. *Thứ hai*, cần tiến hành đồng thời cải cách kinh tế với cải cách chính trị, cũng như những cải cách khác; bởi một nền kinh tế thị trường, có tính cạnh tranh cao không thể ra đời trong một thể chế chính trị độc tài và thiếu dân chủ, hay một nền kinh tế thị trường TBCN không thể tồn tại trong một thể chế phong kiến lạc hậu. *Thứ ba*, cần giải quyết thỏa đáng những lợi ích của mọi tầng lớp, mọi nhóm lợi ích có liên quan; tạo sự đồng thuận xã hội và huy động mọi sự tham gia xã hội cho cải cách và phát triển. Giải quyết thỏa đáng lợi ích của các nhóm lợi ích, giải quyết

hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích lâu dài của quốc gia với lợi ích trước mắt của các nhóm lợi ích bị tác động bởi cải cách. *Thứ tư*, cần có quyết tâm cải cách đến cùng, tránh cải cách nửa vời, chấp vá.

Với Trung Quốc: *Thứ nhất*, cải cách kinh tế và chính trị cần bắt đầu từ việc nhận thức lại CNXH, nhận thức đúng bản chất của CNXH là giải phóng và phát triển sức sản xuất. Do vậy, cần kết hợp cải cách kinh tế với cải cách chính trị, cải cách kinh tế là trọng điểm, cải cách chính trị là quan trọng, tập trung cải cách những khâu, những phương diện chính trị trói buộc, cản trở phát triển kinh tế. Để cải cách kinh tế cần xây dựng nền chính trị dân chủ XHCN ở mức độ cần thiết. Cùng với phát triển nhanh chóng sức sản xuất cần bồi dưỡng, sử dụng nhân tài và phát huy đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân.

Thứ hai, tập trung vào cải cách và xây dựng thể chế kinh tế và thể chế chính trị, kết hợp cải cách thể chế kinh tế với cải cách thể chế chính trị. Cải cách và xây dựng đồng bộ cả thể chế kinh tế và thể chế chính trị. Cải cách thể chế kinh tế càng đi sâu càng cần đẩy mạnh cải cách thể chế chính trị. Tập trung vào những cải cách quan trọng nhất như: thay đổi chức năng, bộ máy và chế độ nhân sự của Chính phủ; trao quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp và người sản xuất, thu hẹp quyền can thiệp của các cơ quan nhà nước; thực hiện dân chủ hóa xã hội, trong đó thực hiện dân chủ hóa kinh tế như là tiền đề cho phát triển kinh tế thị trường và là mục tiêu, điều kiện của dân chủ hóa chính trị; nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước từ trung ương đến cơ sở; khắc phục tình trạng quyền lực quá tập trung, quan liêu

và gia trưởng; xây dựng hệ thống thể chế lãnh đạo, quản lý - hệ thống quyết sách, chấp hành, giám sát và tư vấn hiện đại nhằm đưa ra được những quyết định đúng đắn, chấp hành nghiêm chỉnh, giám sát hiệu quả, tư vấn khách quan.

Xác định cải cách thể chế chính trị là yêu cầu khách quan của phát triển kinh tế thị trường XHCN, là tiêu chí quan trọng của sự tiến bộ xã hội, là bảo đảm quan trọng cho sự ổn định lâu dài của đất nước. Đây là một quyết sách chiến lược của Đảng Cộng sản Trung Quốc, được xem là một nội dung quan trọng của cuộc cách mạng thứ hai ở Trung Quốc. Phương hướng chung của cải cách thể chế chính trị ở Trung Quốc là phát huy và bảo đảm dân chủ trong Đảng và trong nhân dân. Phát triển nền dân chủ XHCN trở thành phương hướng chung của cải cách thể chế chính trị. Trong đó, cải cách thể chế hành chính nhằm xóa bỏ quan liêu, phát triển dân chủ, phát huy tính tích cực của nhân dân, của cơ sở; giải quyết tốt các mối quan hệ nhân trị - pháp trị, quan hệ đảng - chính quyền - nhân dân, trong đó mối quan hệ đảng - chính quyền là khâu đột phá.

Thứ ba, cải cách kinh tế và chính trị một cách đồng bộ, có hệ thống và hiệp đồng. Cải cách kinh tế đặt ra yêu cầu cho cải cách và phát triển chính trị, cải cách chính trị tạo điều kiện cải cách và phát triển kinh tế, đưa Trung Quốc trở thành nền kinh tế thứ hai thế giới sau hơn ba mươi năm cải cách. Tuy nhiên, sự phát triển chính trị của Trung Quốc đến nay vẫn còn nhiều tồn tại, chủ yếu là cải cách thể chế chính trị trì trệ hơn cải cách thể chế kinh tế, đồng thời cũng chưa đáp ứng yêu cầu tham gia chính trị ngày càng tăng của người dân. Do vậy, cần đi sâu cải cách toàn diện, theo

đó cải cách phải mang tính hệ thống, tính chỉnh thể và tính hiệp đồng. Mặc dù cải cách thể chế kinh tế vẫn được coi là trọng điểm, nhưng đã coi trọng hơn cải cách các lĩnh vực khác, trong đó có cải cách thể chế chính trị (Hội nghị Trung ương 3 khóa XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc).

Thứ tư, ổn định chính trị, chủ động cải cách chính trị đáp ứng yêu cầu của cải cách kinh tế. Duy trì sự ổn định về chính trị làm tiền đề và nhân tố quan trọng bảo đảm cho cải cách kinh tế. Chủ động chuẩn bị những đối sách với các kịch bản phù hợp cho quá trình cải cách.

Thứ năm, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về cải cách kinh tế và chính trị, xác định những khâu đột phá trong cải cách kinh tế và chính trị, phù hợp với từng giai đoạn. Trong phát triển kinh tế, thực hiện những đột phá về mặt lý luận, nêu lên mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN; nhận thức và xử lý ngày càng tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường - theo đó vừa coi trọng phát huy vai trò mang tính quyết định của thị trường trong sắp xếp nguồn lực, vừa phát huy tốt hơn vai trò của Nhà nước. Trong phát triển chính trị, thực hiện những đột phá về lý luận xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc, về xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị, nhất là xây dựng Đảng (mở rộng cơ sở xã hội của Đảng, thừa nhận vị trí và vai trò của những giai tầng xã hội mới), xử lý mối quan hệ giữa đảng - dân, mối quan hệ máu thịt quyết định sinh mệnh của Đảng; xác định hội nhập quốc tế (nhất là gia nhập WTO) là động lực cho việc tháo gỡ những ràng buộc về mặt thể chế kinh tế và chính trị để tiếp tục giải phóng, phát triển sức sản xuất, phát triển dân chủ □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Daron Acemoglu và Janes A. Robinson (2013), *Tại sao các quốc gia thất bại - Nguồn gốc của quyền lực, thịnh vượng và nghèo đói*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
2. S. Shirk (1993), *The Political Logic of Economic Reform in China*, UCP, Los Angeles (USA).
3. Đỗ Tiến Sâm, Trần Thu Minh (2014), *Quan hệ giữa cải cách kinh tế và cải cách chính trị ở Trung Quốc - nhận thức, thực tiễn và bài học*, Kỷ yếu Đề tài “Nghiên cứu, tổng kết làm sáng tỏ mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị trong công cuộc đổi mới đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay” thuộc Đề án “Nghiên cứu, tổng kết làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về công cuộc đổi mới đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Cơ quan chủ trì: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
4. Juro Teranishi và Yutaka Kosai (Chủ biên, 1995), *Kinh nghiệm cải cách kinh tế Nhật Bản*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Lưu Ngọc Trinh (2014), *Ba cuộc cải cách lớn trong lịch sử hiện đại Nhật Bản và một số bài học rút ra*, Kỷ yếu Đề tài “Nghiên cứu, tổng kết làm sáng tỏ mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị trong công cuộc đổi mới đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay” thuộc Đề án “Nghiên cứu, tổng kết làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về công cuộc đổi mới đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Cơ quan chủ trì: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.